TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HS-PT
Ngày:22-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Vũ Hoàng Linh

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Hiến- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 22/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 55/2020/TLPT-HS ngày 22/5/2020 đối với các bị cáo Trần Quốc H, Nguyễn Thanh Đ. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2019/HS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo:**Trần Quốc H**, sinh năm 1983, tại Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Khu phố P, phường T, thành phố X, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Buôn bán;Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Trần H, sinh năm 1954 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1954; có vợ và có 04 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 23/5/2002, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng về hành vi "Gây rối trật tự công cộng"; Năm 2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Chấp hành xong Bản án ngày 11/9/2012; Ngày 18/9/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về tội "Đánh bạc". Chấp hành xong Bản án ngày 23/5/2016. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến 04/5/2019, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: **Nguyễn Thanh Đ**, sinh năm 1953, tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Ấp 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn:9/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; con ông Nguyễn H, sinh năm 1921 và bà Mai Thị L, sinh năm 1935; có vợ tên Bùi Thị T, sinh năm 1954 (đã chết) và có 2 con, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1977; Tiền án, tiền sự: Không. Bị

cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày 04/5/2019, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có 04 (bốn) bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 07/4/2019, Trần Quốc H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 93C - 108.00 chở theo Lê Văn T và T1 (không rõ lai lịch) từ thành phố X đi huyện B, tỉnh Bình Phước để lấy tiền nợ của hai người tên P và T2 (không rõ lai lịch). Trên đường đi, biết được thông tin P và T2 đang đánh bạc tại khu vực lô cao su thuộc ấp 3, xã A, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, nên H chở T, T1 đi vào. Khi đến thấy có nhiều người (không rõ lai lịch) đang chơi đánh bạc dưới hình thức đá gà thắng thua bằng tiền. Gần chỗ đá gà có trải 01 tấm bạt màu xanh, trên bạt có 01 giỏ xách, bên trong giỏ có sẵn dụng cụ chơi xóc đĩa gồm: 01 chén nhựa, 01 đĩa sành và 04 quân vị hình tròn. Xung quanh tấm bạt có nhiều người đang đứng nên H nảy sinh ý định làm cái để chơi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền. Khi H làm cái xóc đĩa thì có Nguyễn Văn M, Dương Văn T, Nguyễn Thanh Đ, Bùi Thị Xuân H và một số người khác (không rõ lai lịch) thống nhất chơi xóc đĩa chẵn, lẻ mỗi ván, một người chơi phải đặt tiền từ 200.000 đồng trở lên. Khi làm cái xóc đĩa, H nhờ Lê Văn T ngồi bên cạnh để giúp H thu và trả tiền cho người chơi đánh bạc thì T đồng ý.

Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc H, T, M, Dương Văn T, Đ, Xuân H và một số đối tượng (không rõ lai lịch) đang đánh bạc thì bị Công an huyện Đ phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với M, Dương Văn T, Đ, Xuân H còn H, T và số đối tượng khác (không rõ lai lịch) bỏ chạy. Sau đó, Cơ quan điều tra đã mời Trần Quốc H, Lê Văn T và một số đối tượng khác có mặt tại sòng bạc lên làm việc. Qua làm việc, H, T đã khai nhận hành vi tham gia đánh bạc của mình như trên nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra Lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp. Quá trình điều tra đã chứng minh được ngoài số tiền bắt quả tang trên chiếu bạc là 53.000.000 đồng, còn có số tiền thu giữ trên người của Dương Văn T 2.200.000 đồng, Nguyễn Văn M 3.900.000 đồng, Nguyễn Thanh Đ 6.200.000 đồng, Bùi Thị Xuân H 15.530.000 đồng, là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc nên tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 80.830.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2019/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Quốc H, Nguyễn Thanh Đ phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự; tuyên phạt bị cáo Trần Quốc H 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án; phạt bổ sung bị cáo Trần Quốc H số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng);

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự; tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thanh Đ 03 (ba) năm tù, thời

hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra,bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 26/11/2019 và ngày 03/12/2019 các bị cáo Trần Quốc H, Nguyễn Thanh Đ có đơn kháng cáo yêu cầu hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Quốc H thay đổi kháng cáo từ xin hưởng án treo sang giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Đ giữ nguyên kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm:Tại phiên tòa hôm nay, ngoài những tình tiết giảm nhẹ Tòa sơ thẩm đã áp dụng thì bị cáo Huy cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới đó là bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo đang mang thai; bị cáo Đ cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ là hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh tiểu đường nặng, bệnh thận mạn tính giai đoạn 5. Xét, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo là có phần nghiêm khắc nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, trong đó: Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo H mức án 02 năm tù; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, 54, 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đ mức án 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Trần Quốc H, Nguyễn Thanh Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xác định, do đó việc Tòa án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 2Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Trần Quốc H, thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn và xử phạt bị cáo với mức án 03 năm tù và phạt tiền bị cáo với mức 15.000.000đồng là nằm trong khung hình phạt của điều luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H xuất trình thêm được chứng cứ mới là xác nhận của Công an xã nơi bị cáo cư trú thể hiện bị cáo hiện là lao động chính trong gia đình (bị cáo có 03 con nhỏ đang tuổi đi học, trong đó có 01con mới sinh tháng 01/2019, có mẹ già, vợ bị cáo ở nhà chăm sóc con không có việc làm ổn định) và chứng cứ mới thể hiện vợ bị cáo hiện đang mang thai 4 tháng. Như vậy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹtrách nhiệm hìnhsự được quy định tại khoản 1 Điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 của Điều 51 Bộ luật Hình sự. Để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về cộng đồng cùng vợ lao động chăm sóc gia đình và nuôi con nhỏ, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự nhưng vẫn nằm trong khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều

321 Bộ luật Hình sự mà vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thanh Đ: Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm xác nhận của địa phương và chứng cứ chứng minh về việc bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh tiểu đường nặng, bệnh thận mạn tính giai đoạn 5. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo Đ có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa từng vi phạm pháp luật; bị cáo là người cao tuổi, có nơi cư trú rõ ràng; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Và xét thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo mà không cần phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù nên Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do đó kháng cáo của bị cáo cũng được chấp nhận.

[4] Ngoài ra, Hội đồng xét xử thấy vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét đến vai trò, đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để cá thể hóa hình phạt cho tương xứng với từng bị cáo. Nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng chung hình phạt 03 năm tù cho tất cả các bị cáo là chưa phù hợp. Tuy nhiên, xét thấy đối với các bị cáo khác trong vụ án gồm Lê Văn T, Nguyễn Văn M, Dương Văn T, Bùi Thị Xuân H không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị đồng thời cơ quan có thẩm quyền đã ban hành các quyết định thi hành án đối với các bị cáo T, M, Dương Văn T, Bùi Thị Xuân H do đó Hội đồng xét xử không xem xét về hình phạt đối với các bị cáo này mà chỉ nêu ra để rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm. Riêng, đối với bị cáo Đ, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị mức hình phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo đề nghị chấp nhận mức hình phạt này đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân là phù hợp.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà phúc thẩmlà có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Quốc H, Nguyễn Thanh Đ không phải chịu.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Quốc H và kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thanh Đ.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2019/HS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phướcvề phần hình phạt.

Tuyên bố các bị cáo Trần Quốc H, Nguyễn Thanh Đ phạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứ vàođiểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Quốc H 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2019 đến ngày 04/5/2019;

Phạt bổ sung bị cáo Trần Quốc H số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, 54, 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20-6-2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Đ 02 (hai) năm tù, nhưngcho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh Đ cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Trần Quốc H, Nguyễn Thanh Đ không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- TAND, VKSND huyện Đ; (2)
- Chi cục THADS huyện Đ; (1)
- Công an huyện Đ; (1)
- Bị cáo; (2)
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- TNV; THS; Lưu. (2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Qúy Chi

Đinh Thị Quý Chi